

Bản án số: 148/2018/HSST
Ngày 27-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm N dân: Ông Hà Văn Trường
Ông Lê Văn Khoe

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 141/2018/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **148/2018/HSST- QĐXX ngày 13 tháng 8 năm 2018**, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 20-8-1985 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: 146 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không;

Tiền sự: **Quyết định số: 112/QĐ-TA ngày 24 -4-2018 của Tòa án N dân thành phố V đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 16 tháng;**

Nhân thân: Bản án số 184/2013/HSST ngày 06/9/2013 TAND thành phố V xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản; Quyết định số 56/QĐ-XPHC ngày 20/3/2012 của công an phường R – thành phố V, phạt tiền 2.000.000 đồng, về hành vi trộm cắp tài sản;

Bị bắt tạm giam ngày 10 tháng 5 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

Bị hại: Bà Trương Thị H, sinh năm 1965; cư trú tại: Số 01B đường N, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (**vắng mặt**).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Thái Thị H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số 47 đường N, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (**vắng mặt**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 7 giờ 00 phút ngày 01/3/2018, Nguyễn Ngọc S đi bộ đến nhà bà Trương Thị H ở số 01B đường N, phường T, thành phố V tìm gặp anh Trương Thành N (con trai của bà H) để giải quyết chuyện cá nhân. Khi đến nơi, S nhìn qua cửa sổ thấy ở phòng khách có anh N và bà H nằm ngủ dưới nền nhà nên S mở cửa chính đi vào thì thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung-Galaxy-J5 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu hiệu Blubold, màu đen để gần chỗ anh N nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt đem đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. S lén lút đến lấy 02 chiếc điện thoại này cất giấu trong túi quần rồi đi ra. Khi đi ra đến cửa nhà, S thấy 01 chiếc Ipad mini A2, màu đen để trên bộ ghế sofa lấy cất giấu trong túi áo bỏ đi ra ngoài. Trên đường đi, S nhặt 01 chiếc hộp giấy rồi bỏ tất cả tài sản vào và đến quán cà phê số 47 đường Ngô Quyền, phường Thắng Nhất, thành phố V gặp chị Nguyễn Thị H là chủ quán nhờ chị H giữ dùm chiếc hộp giấy một lúc sẽ quay lại lấy, chị H đồng ý. Sau đó, S quay trở lại nhà chị H thì chị H báo Công an phường T bắt giữ S làm rõ và thu hồi vật chứng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Ngọc S đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại biên bản xác định giá trị tài sản số 64/BB – PTCKH ngày 12/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy-J5 có trị giá 200.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu hiệu Blubold, màu đen có trị giá 2.500.000 đồng; Ipad mini A2, màu đen có trị giá 4.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là **7.200.000đ** (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Tài sản nêu trên đã trao trả lại cho chị Trương Thị H, chị H nhận tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Đối với chị Nguyễn Thị H là người đã nhận giữ tài sản của S. Xét thấy khi nhận giữ tài sản này, chị H không biết đây là tài sản do S phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bản cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 16 -7-2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm **h, s** khoản 1, khoản 2 Điều 51; **Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015** xử phạt bị cáo mức án từ **09 đến 12 tháng** tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung-Galaxy-J5; 01 chiếc điện thoại di động hiệu hiệu Blubold và 01 chiếc Ipad mini, tổng trị giá tài sản là **7.200.000đ** (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng) của người bị hại. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, phù hợp với biên bản **tạm giữ đồ vật, tài liệu**, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. **Bị cáo có 01 tiền sự bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số: 112/QĐ-TA ngày 24 -4-2018 của Tòa án nhân dân thành phố V đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 16 tháng; Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 06/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 184/2013/HSST; Ngày 20/3/2012, Công an phường R – thành phố V xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 56/QĐ-XPHC,**

nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu sửa bản thân mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử phạt với mức án nghiêm theo quy định pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội không thuộc các trường hợp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại về mặt vật chất, tài sản bị chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi ngay trả lại người bị hại; bị cáo có cha ruột được tặng huân chương chiến công hạng nhì. Vì vậy, áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Đối với chị Nguyễn Thị H là người đã nhận giữ tài sản của S. Xét thấy khi nhận giữ tài sản này, chị H không biết đây là tài sản do S phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

[7] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Ngọc S **01 (một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

3. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban N dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Nga